



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 3816/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Policosanol 10
Policosanol 10 health supplement
2. Mã số mẫu/Sample code: 122520890/DV.1
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong hộp, 30 viên/hộp.
Số lượng: 10. Số lô: 2607. NSX: Không có - HSD: 11/03/2028.
Sample is put in box, 30 tablets/box.
Quantity: 10. Lot No.: 2607. MFG: No information – EXP: 11/03/2028.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Không có mẫu lưu
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 12/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 12/12/2025 - 17/01/2026
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HASU NO HANA
Địa chỉ: Nhà liền kề C31, Khu Embassy Garden,
Đường Hoàng Minh Thảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam
HASU NO HANA JOINT STOCK COMPANY
Address: Townhouse C31, Embassy Garden area,
Hoang Minh Thao Street, Xuan Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s): Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	Enterobacteriaceae (Vi khuẩn gram âm dung nạp mật) (Bile – tolerant gram negative bacteria)	CFU/g	ISO 21528-2:2017	KPH/ND (LOD: 1)
9.2*	<i>Escherichia coli</i>	/g	TCVN 6846:2007	KPH/ND (eLOD ₅₀ : 1)
9.3*	<i>Salmonella</i> spp.	/10g	TCVN 10780-1:2017	KPH/ND (eLOD ₅₀ : 1)
9.4*	<i>Staphylococcus aureus</i>	/g	United States Pharmacopeia and National Formulary 2023 <2022>	KPH/ND (eLOD ₅₀ : 1,2)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/
This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngõ Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hotline: 085 929 9595

Email: vkn@nifc.gov.vn

Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.5*	Tổng số Nấm men - nấm mốc <i>Total yeasts and molds</i>	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/ND (LOD: 1)
9.6*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí <i>Total plate count</i>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH/ND (LOD: 1)
9.7*	Ethanol	%w/w	NIFC.04.M.049 (GC-FID)	KPH/ND (LOD: 30)
9.8*	Hàm lượng Arsen tổng số <i>Total Arsenic content</i>	ppm	TCVN 10912:2015	0,059
9.9*	Hàm lượng Cadmi <i>Cadmium content</i>	ppm	TCVN 10912:2015	KPH/ND (LOD: 0,004)
9.10*	Hàm lượng Chì <i>Lead content</i>	ppm	TCVN 10912:2015	0,046
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân <i>Mercury content</i>	ppm	TCVN 10912:2015	KPH/ND (LOD: 0,004)

Ghi chú: eLOD₅₀: giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Note eLOD₅₀: estimated limit of detection at 50%

ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 17/01/2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

ON BEHALF OF DIRECTOR GENERAL

HEAD OF NUTRIENTS AND FOOD ADDITIVES

LABORATORY



TS. Vũ Thị Trang

PhD. Vu Thi Trang

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.